

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HƯNG YÊN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chứng thực hòa sao đúng với bản chính.

Số chứng thực: ... 1296 Quyển số: 01 SC/BS

Ngày 25 tháng 03 năm 2015



PHÓ CHỦ TỊCH
Trần Thị Tố Nga

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG HƯNG YÊN

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 25

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HƯNG YÊN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực Hưng Yên trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Lương thực Hưng Yên (gọi tắt là "Công ty") được đổi tên từ Công ty Cổ phần Vinafood 1 Hưng Yên theo Quyết định số 35/QĐ-HDQT ngày 13/4/2007 của Hội đồng quản trị. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0900269211 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 19 tháng 4 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 07 tháng 4 năm 2009.

Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HƯNG YÊN
Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: HUNG YEN FOOD JOINT STOCK COMPANY.
Tên viết tắt: HY VINAFOOD JSC

Trụ sở Công ty tại số 14 đường Bạch Đằng, phường Minh Khai, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Xuân Hạnh	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 23/6/2014)
Ông Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Ủy viên
Ông Lâm Quang Xuyên	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 23/6/2014)
Bà Hoàng Thanh Loan	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 23/6/2014)

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Vũ Xuân Hạnh	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THỨC KỶ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HƯNG YÊN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam liên liên và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn chu tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Vũ Xuân Hạo
Giám đốc

Hưng Yên, ngày 12 tháng 02 năm 2015

Số 177/2015/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần Lương thực Hưng Yên

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Lương thực Hưng Yên**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lương thực Hưng Yên, được lập ngày 12/02/2015, từ trang 03 đến trang 26, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu nhận được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán; kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 14 tháng 3 năm 2014 có ý kiến dạng ngoại trừ và vấn đề chưa trích lập đủ dự phòng cho khoản phải trả về khoản bán theo hồ loạt dự trữ quốc gia với số tiền 937.629.560 đồng, Năm 2014. Công ty đã trích lập đầy đủ khoản dự phòng này.



Phan Thanh Naut
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKIN kiểm toán: 1009 - 2013 - 075-1
Thay mặt và đại diện

Lê Thị Thanh Vân
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKIN kiểm toán: 2723 - 2014 - 075-1

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯỜNG THỰC HÙNG YẾN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		44.839.714.432	61.098.136.533
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.001.483.773	10.198.565.729
1. Tiền	111		1.001.483.773	10.198.565.729
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.916.541.709	6.092.344.423
1. Phải thu khách hàng	131		4.916.541.709	6.087.394.423
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	-	4.950.000
IV- Hàng tồn kho	140	5.3	38.400.821.665	47.218.173.096
1. Hàng tồn kho	141		38.400.821.665	47.218.173.096
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		520.867.285	589.053.285
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.4	492.480.584	589.053.285
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.4	28.386.701	-
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		4.721.583.756	5.112.014.049
II- Tài sản cố định	220		2.177.729.406	2.527.698.034
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	2.177.729.406	2.527.698.034
- Nguyên giá	222		5.952.899.913	5.994.434.792
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.775.170.507)	(3.466.736.758)
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.517.570.000	2.517.570.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.6	2.517.570.000	2.517.570.000
V- Tài sản dài hạn khác	260		26.284.350	66.746.015
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	66.746.015
3. Tài sản dài hạn khác	268		26.284.350	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		49.561.298.188	69.210.150.582

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HƯNG YÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		43.356.495.495	62.798.918.824
1- Nợ ngắn hạn	310		42.959.531.858	61.535.522.460
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.7	24.065.000.000	31.500.000.000
2. Phải trả người bán	312		12.117.338.862	16.422.222.348
3. Người mua trả tiền trước	313		-	6.825.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.8	428.510	257.915.475
6. Chi phí phải trả	316	5.9	372.086.176	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.10	6.315.770.499	6.453.854.440
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		89.037.611	76.530.197
II- Nợ dài hạn	330		396.963.637	1.263.396.364
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.11	396.963.637	1.263.396.364
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		6.204.802.693	6.411.231.758
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.12	6.204.802.693	6.411.231.758
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		5.068.440.000	5.068.440.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		139.815.701	139.815.701
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		698.672.782	745.930.690
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		219.404.501	206.897.087
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		78.469.709	250.148.280
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		49.561.298.188	69.210.150.582

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

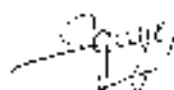
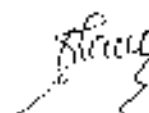
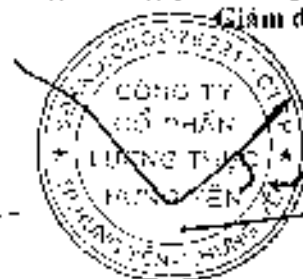
Chỉ tiêu	TM	31/12/2014	01/01/2014
		VND	VND
7. Vật tư, hàng hoá nhận g ữ hộ, nhận gia công		276.584.048	276.584.048

Hưng Yên, ngày 17 tháng 02 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc


Nguyễn Thị Yên Anh

Nguyễn Thị Hải Yến

Vũ Xuân Hợp

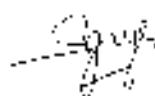
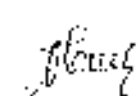
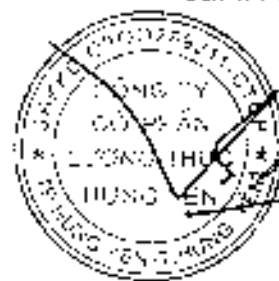
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.13	371.429.902.975	329.850.025.480
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.13	371.429.902.975	329.850.025.480
4. Giá vốn hàng bán	11	5.14	365.473.051.670	320.724.148.400
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		6.006.851.365	9.125.877.080
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.15	24.632.342	16.880.047
7. Chi phí tài chính	22	5.16	2.299.127.367	4.206.165.105
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.199.127.367	4.206.165.105
8. Chi phí bán hàng	24		2.030.705.688	2.204.264.879
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.187.237.354	2.198.659.370
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		(385.586.102)	533.667.773
11. Thu nhập khác	31	5.17	949.117.136	19.324.615
12. Chi phí khác	32	5.17	462.716.648	100.428.321
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		486.400.488	(81.103.706)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40-45)	50		100.814.386	452.564.067
15. Chi phí thuế (NTN) hiện hành	51	5.18	22.344.677	203.415.787
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		78.469.709	250.148.280
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.19	155	494

Hung Yên, ngày 12 tháng 03 năm 2015
 Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Yên Anh

Nguyễn Thị Hải Yến

Vũ Xuân Hạnh

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HÙNG YÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2014	Năm 2013
		VND	VND
	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	100.814.386	452.564.067
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	349.968.628	428.540.678
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(24.652.342)	(16.880.047)
- Chi phí lãi vay	06	3.198.127.367	4.206.165.105
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			
3. trước thay đổi vốn lưu động	08	2.625.278.039	5.070.389.803
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1.149.518.364	1.793.941.194
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	8.817.551.431	2.117.732.947
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(17.007.423.379)	16.723.017.711
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	66.746.015	725.898.512
- Tiền lãi vay đã trả	13	(2.056.862.311)	(4.904.272.050)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(117.091.907)	(162.144.650)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	182.280.760	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(58.500.000)	(1.525.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.398.702.938)	19.538.963.469
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
6. Tiền thu từ đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	4.247.000.000
7. Tiền thu từ cho vay, cđ nợ và lợi nhuận được chia	27	24.632.342	16.880.047
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	24.632.342	4.263.880.047
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	92.040.000.000	110.329.500.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(99.620.000.000)	(125.348.018.520)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(223.011.360)	(293.969.520)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.823.011.360)	(15.312.488.040)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(9.197.481.956)	8.490.355.476
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	10.198.565.729	1.708.210.253
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60+61)	70	1.001.483.773	10.198.565.729

Hùng Yên, ngày 17 tháng 02 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Yến Anh

Nguyễn Thị Hải Yến



Trần Hạnh

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HUNG YÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÁU B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lương thực Hưng Yên (gọi tắt là "Công ty") được đổi tên từ Công ty Cổ phần Vinafood 1 Hưng Yên theo Quyết định số 35/QĐ-HĐQT ngày 13/4/2007 của Hội đồng quản trị. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0900269311 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 19 tháng 4 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 07 tháng 4 năm 2009.

Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HUNG YÊN

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: HUNG YEN FOOD JOINT STOCK COMPANY,

Tên viết tắt: ITY VINAFOOD JSC.

Trụ sở Công ty tại số 14 đường Bạch Đằng, phường Minh Khai, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

Sơ hữu vốn theo đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	411.744	4.117.440.000	81,24%
Các cổ đông khác	95.100	951.000.000	18,76%
Cộng	506.844	5.068.440.000	100%

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Trồng trọt chăn nuôi hỗn hợp
- Xây xát và sản xuất bột mì
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
- Sản xuất và mua bán hàng hi;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của Ô tô và xe có động cơ
- Bán mô tô xe máy
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô xe máy
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô xe máy
- Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại động vật Nhà nước cấm)
- Bán buôn gạo
- Bán buôn thực phẩm
- Bán buôn đồ uống
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giấy dệt
- Bán buôn đồ dùng cho gia đình
- Bán buôn máy móc thiết bị phụ tùng máy nông nghiệp
- Đại lý mua bán vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ nông, thuốc lá, thuốc lén trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HƯNG YÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Bán lẻ đồ công trong các cửa hàng chuyên doanh
- Bán lẻ sản phẩm thực phẩm, thuốc lá trong các cửa hàng chuyên doanh
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh
- Bán lẻ hàng tiêu, thực phẩm ăn uống, thuốc lá, thuốc lá lạt động hoặc tại chợ
- Bán lẻ hàng dệt, may sẵn giấy dép lạt động hoặc tại chợ
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
- Cơ sở lưu trú
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống, phục vụ lưu động
- Dịch vụ ăn uống
- Dịch vụ phục vụ đồ uống
- Dịch vụ cho thuê vận phùng, kho tàng, bến bãi

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2014: Kinh doanh các mặt hàng nông sản như thuốc, ngô, khoai, sắn lát, phân bón. . .

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực, liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỨC HƯNG YẾN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MAU B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sẽ dùng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong một năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu:

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay và công cụ tài chính chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiệu tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản kỳ cược, ký quỹ, các khoản dân từ ngắn hạn hoặc các khoản dân từ có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HÙNG VÂN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán; từ sản phẩm trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành công chi phí tiếp tế, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất; trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, tính bằng thời nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2014 Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc, thiết bị	08-14
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ, được phản ánh hạn đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 5 năm.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiền hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty hay Quyết định của đại hội cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ () các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Chi nhận doanh thu

Đối với hoạt động sản xuất và thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản đầu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HƯNG YẾN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện mức giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sai cũng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành có ảnh hưởng của các số phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, kể cả Công ty Mẹ, Các Công ty Con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát cùng với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, Viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	546.435.500	483.882.000
Tiền gửi ngân hàng	455.050.273	9.714.683.729
Tổng	1.001.483.773	10.198.565.729

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HƯNG YÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃI: B 09-DN

5.2 Các khoản phải thu khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu khác	-	4.950.000
Tổng	-	4.950.000

5.3 Hàng tồn kho

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Hàng hoá	38.400.821.665	47.218.173.096
Tổng	38.400.821.665	47.218.173.096

5.4 Thuế GTGT được khấu trừ và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ	492.480.584	589.053.285
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	8.016.870	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	20.369.831	-
Tổng	520.867.285	589.053.285

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HƯNG YÊN
Báo cáo tài chính các năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÀU B 09-DN

5.5 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, đụng cụ quản lý	Tổng
NGUYỄN GIA					
Số dư tại 01/01/2014	4.589.363.683	171.054.397	1.208.845.469	25.191.243	5.994.454.792
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	16.363.636	25.191.243	41.554.879
Được chuyển, giảm giá trị	-	-	16.363.636	25.191.243	41.554.879
Số dư tại 31/12/2014	4.589.363.683	171.054.397	1.192.481.833	-	5.952.899.913
GIÁ TRỊ HẠO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2014	2.691.192.797	96.729.067	653.643.651	25.191.243	3.466.756.758
Tăng trong năm	253.798.940	16.855.143	79.314.545	-	349.968.628
Khấu hao trong năm	253.798.940	16.855.143	79.314.545	-	349.968.628
Giảm trong năm	-	-	16.363.636	25.191.243	41.554.879
Được chuyển, phân loại lại	-	-	16.363.636	25.191.243	41.554.879
Số dư tại 31/12/2014	2.944.991.737	113.584.210	716.594.560	-	3.775.170.507
Tại 01/01/2014	1.898.170.886	74.325.330	555.201.838	-	2.527.698.054
Tại 31/12/2014	1.644.371.946	57.470.187	475.887.773	-	2.177.729.906

Tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2014 với nguyên giá là 0 đồng.
Giá trị còn lại Tài sản cố định đem đi thế chấp các khoản vay trong năm 2014 là 1.581.470.822 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HUNG YÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B-09-DN

5.6 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
Đầu tư dài hạn khác	1.304.570	2.517.570.000	1.304.570	2.517.570.000
Công ty Cổ phần Phân phối và Bán lẻ VNF 1 (*)	1.304.570	1.304.570.000	1.304.570	1.304.570.000
Công ty TNHH Novotech - Trung Hưng (**)	-	1.213.000.000	-	1.213.000.000
Tổng		2.517.570.000		2.517.570.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-		-
Tổng		2.517.570.000		2.517.570.000

(*) Công ty góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Phân phối và Bán lẻ VNF 1 bằng quyền sử dụng đất thuê (thuê đất của Nhà nước trả tiền hàng năm) với diện tích đất thuê 3.888 m², tại đường Nguyễn Văn Linh, thành phố Hưng Yên và tài sản trên đất, giá trị góp vốn được các bên định giá như sau:

Giá trị tài sản trên đất	398.410.000 VND
Lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất thuê	906.160.000 VND
Tổng trị giá vốn góp	1.304.570.000 VND
Tỷ lệ góp vốn 0,65%	

(**) Khoản góp vốn thành lập Công ty TNHH Novotech-Trung Hưng, theo hợp đồng góp vốn giữa các thành viên sáng lập Công ty TNHH Novotech - Trung Hưng, Công ty đăng ký góp 5.460.000.000 đồng, tương đương 10% vốn điều lệ, khoản đầu tư này được Công ty huy động từ nguồn vốn của Công ty là 2.730.000.000 đồng, và Ông Nguyễn Thành Vương là 1.365.000.000 đồng, Ông Phan Duy Phương là 1.365.000.000 đồng.

Ngày 26/11/2013, Hội đồng thành viên Công ty TNHH Novotech - Trung Hưng đã họp Quyết định giải thể Công ty này, chấm dứt Hợp đồng Liên doanh, các khoản thiệt hại do chấm dứt hoạt động do các thành viên góp vốn là Novotech gánh chịu. Trung năm 2013 và tháng 01 năm 2014, Công ty được hoàn trả một phần khoản góp vốn. Công ty đã chuyển trả lại một phần khoản góp vốn cho Ông Phan Duy Phương và Ông Nguyễn Thành Vương do đó chỉ tiết giá trị khoản đầu tư này hiện tại đến 31/12/2014 như sau:

Khoản đầu tư của Công ty	606.500.000 VND
Khoản đầu tư của Ông Nguyễn Thành Vương	303.250.000 VND
Khoản đầu tư của Ông Phan Duy Phương	303.250.000 VND
Tổng	1.213.000.000 VND

5.7 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
NH TMCP Đầu tư và PT Việt Nam - CN Hưng Yên (*)	23.900.000.000	31.500.000.000
Vay đối tượng khác	165.000.000	-
Tổng	24.065.000.000	31.500.000.000

(*) Hợp đồng tín dụng số 06/2014/1617158/TĐTD ngày 30/10/2014, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hưng Yên, lãi suất 8%/năm. Mục đích vay: Thanh toán mua sắm gạo.

Và Hợp đồng tín dụng số 09/2014/1617158/TĐTD ngày 11/11/2014. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua gạo thơm Jasmine 5% tằm, lãi suất 7%/năm. Tài sản thế chấp là hàng tồn kho thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HƯNG YẾN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÀU B 09-DN

5.8 Thuế và các khoản nộp Nhà nước

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	163.168.245
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	94.747.230
Thuế tiêu chấp cá nhân	428.510	-
Tổng	428.510	257.915.475

5.9 Chi phí phải trả

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế đặc phải trả	229.741.320	-
Lãi vay phải trả	142.265.056	-
Tổng	372.006.376	-

5.10 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ông Phạm Duy Phương	603.250.000	603.250.000
Ông Nguyễn Thành Vượng	603.250.000	603.250.000
Phải trả thuế dự trữ quỹ tính	5.709.220.499	5.247.354.440
Tổng	6.315.720.499	6.453.854.440

Tại văn bản số 568 ngày 29/12/2014, của Cục dự trữ Nhà nước Hải Hưng quy định giá bán thóc dự trữ quốc gia là 6000 đ/kg. Công ty đã bán đổi hạt 951.536 kg/ số thóc dự trữ quỹ tính là 1.000.000 kg, hiện đang theo dõi trên khoản phải trả khác số tiền 5.709.220.499 đồng, quy ra thóc tương đương với số cấn đã bán là 951.536 kg và Công ty đang bảo quản số thóc quỹ tính bằng lượng là 18.464 kg.

5.11 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Lợi thế kinh doanh	-	906.160.000
Doanh thu cho thuê tài sản	396.963.637	357.236.364
Tổng	396.963.637	1.263.396.364

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HƯNG YÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.12. Vốn chủ sở hữu

a - Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2013	5.068.440.000	139.815.701	706.431.696	190.153.975	366.954.738	6.471.796.110
Tăng trong năm	-	-	39.498.994	16.743.112	250.148.280	306.390.386
Phân phối lợi nhuận:	-	-	39.498.994	16.743.112	-	56.242.106
Lãi	-	-	-	-	250.148.280	250.148.280
Giảm trong năm	-	-	-	-	366.954.738	366.954.738
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	366.954.738	366.954.738
Số dư tại 31/12/2013	5.068.440.000	139.815.701	745.930.690	206.897.087	250.148.280	6.411.231.758
Số dư tại 01/01/2014	5.068.440.000	139.815.701	745.930.690	206.897.087	250.148.280	6.411.231.758
Tăng trong năm	-	-	2.122.092	12.507.414	78.469.709	93.099.215
Lãi năm này	-	-	-	-	78.469.709	78.469.709
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.122.092	12.507.414	-	14.629.506
Giảm trong năm	-	-	49.380.000	-	250.148.280	299.528.280
Phân phối lợi nhuận:	-	-	-	-	250.148.280	250.148.280
Giảm khác	-	-	49.380.000	-	-	49.380.000
Số dư tại 31/12/2014	5.068.440.000	139.815.701	696.672.782	219.404.501	78.469.709	6.204.802.693

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HƯNG YÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN

5.12. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**h. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh		Vốn thực góp đến ngày 31/12/2014	
	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông				
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	4.117.440.000	81,24	3.367.440.000	66,14
Các cổ đông khác	951.000.000	18,76	1.701.000.000	33,56
Tổng	5.068.440.000	100	5.068.440.000	100

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	5.068.440.000	5.068.440.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	5.068.440.000	5.068.440.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	223.011.360	293.969.520

d. Cổ phiếu

	31/12/2014 Cổ phiếu	01/01/2014 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	506.844	506.844
Cổ phiếu phổ thông	506.844	506.844
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	506.844	506.844
Cổ phiếu phổ thông	506.844	506.844

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

5.13. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng	370.759.539.337	329.014.768.205
Doanh thu cung cấp dịch vụ	670.262.638	835.257.275
Tổng	371.429.902.975	329.850.025.480

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HƯNG YÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÀU B 09-DN

5.14 Giá vốn hàng bán

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	365.423.051.610	320.724.148.400
Tổng	365.423.051.610	320.724.148.400

5.15 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	24.632.342	16.880.047
Tổng	24.632.342	16.880.047

5.16 Chi phí tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí lãi vay	2.199.127.367	4.206.165.105
Tổng	2.199.127.367	4.206.165.105

5.17 Lợi nhuận khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu nhập khác	949.117.136	19.324.615
Thu nhập từ lợi thế thương mại góp vốn kinh doanh	906.160.000	-
Liền thuê đất (VNFI trả tiền thuê đất năm 2013)	42.714.670	-
Thu nhập khác	242.466	19.324.615
Chi phí khác	462.716.648	100.428.321
Dự phòng phải trả (giá bán đổi hàng)	461.866.059	-
Chi phí khác	850.589	100.428.321
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	486.400.488	(81.103.706)

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HƯNG YÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN

5.18 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	100.814.386	452.564.067
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Các khoản chi phí không được trừ	-	357.099.074
Tổng thu nhập chịu thuế	100.814.386	809.663.141
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	22.344.677	202.415.787
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	22.344.677	202.415.787

5.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế		
thu nhập doanh nghiệp	78.469.709	250.148.280
Lợi ích của cổ đông thiểu số	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	78.469.709	250.148.280
Công ty Mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	506.844	506.844
bình quân trong kỳ (cổ phiếu)		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	155	494

5.20 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.077.000	27.591.567
Chi phí nhân công	2.564.367.364	2.659.851.211
Chi phí khấu hao tài sản cố định	349.968.628	423.050.882
Chi phí dịch vụ mua ngoài	342.296.126	1.084.948.299
Thuế, phí và lệ phí	426.717.607	-
Chi phí khác bằng tiền	482.303.542	208.312.290
Tổng	4.168.730.262	4.402.924.249

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HƯNG YÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và cổ đông**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Năm 2014</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2013</u> <u>VND</u>
Thu nhập của HĐQT và Ban Giám đốc	266.064.500	223.200.000

Các giao dịch bán

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2014</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2013</u> <u>VND</u>
Giao dịch bán hàng		54.472.212.500	1.544.620.000
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	Công ty Mẹ	37.379.712.500	-
Công ty Cổ phần VinaFood 1 Hải Dương	Công TCT	-	1.544.620.000
Công ty Cổ phần Lương thực Sông Hồng	Công TCT	3.742.500.000	-
Công ty Cổ phần Lương thực Ninh Bình	Công TCT	13.350.000.000	-

Các giao dịch mua

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2014</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2013</u> <u>VND</u>
Giao dịch mua hàng		35.896.582.100	6.490.734.715
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	Công ty Mẹ	1.287.046.500	-
Công ty Cổ phần VinaFood 1 Hải Dương	Công TCT	1.532.277.600	6.228.162.815
Công ty Cổ phần Thương mại và Lương thực Vĩnh Phúc	Công TCT	-	120.576.000
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc Chi nhánh SeDec	Công TCT	18.339.675.000	-
Công ty Cổ phần Lương thực Ninh Bình	Công TCT	13.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Lương thực Sông Hồng	Công TCT	3.540.000.000	-
Công ty TNHH MTV Lương thực Hưng Yên	Công TCT	-	141.999.500
Công ty Cổ phần Lương thực Sông Hồng (Lãi vay)	Công TCT	7.585.000	-

Số dư với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2014</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2014</u> <u>VND</u>
2. Các khoản phải trả			
<u>Phải trả người bán</u>			
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	Công ty Mẹ	1.287.046.500	-
Tổng		<u>1.287.046.500</u>	-

6.2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần tiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HƯNG YẾN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÀU B 09-DN

6.3 Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm cả các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Phụ lục mẫu số 5.6 và số 5.9 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2014	01/01/2014
Tài sản tài chính	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.001.183.779	10.198.565.729
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.916.541.709	6.092.344.423
Tổng	8.435.595.482	16.290.910.152
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	24.065.000.000	31.500.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	18.433.059.361	29.701.076.788
Chi phí phải trả	372.006.176	-
Tổng	42.870.065.537	61.201.076.788

Công ty chưa dẫn đầu giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn trung ương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của đồng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HƯNG YÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÀU B 09-DN

6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu chấp nhận góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phải sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2014			
Các khoản vay	24.065.000.000	-	24.065.000.000
Phải trả khách hàng và phải trả khác	18.433.059.361	-	18.433.059.361
Chi phí phải trả	372.006.376	-	372.006.376
Tổng	42.870.065.737	-	42.870.065.737
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
01/01/2014			
Các khoản vay	31.500.000.000	-	31.500.000.000
Phải trả khách hàng và phải trả khác	29.701.076.788	-	29.701.076.788
Chi phí phải trả	-	-	-
Tổng	61.201.076.788	-	61.201.076.788

Hạt Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HƯNG YÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B (09-10)

6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

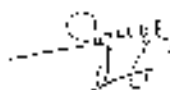
Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình huống thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2014			
Tiền và các khoản trong cùng tiền	1.001.483.773	-	1.001.483.773
Phải thu khác hàng và phải thu khác	4.916.541.709	-	4.916.541.709
Đầu tư dài hạn	-	2.517.570.000	2.517.570.000
Tổng	5.918.025.482	2.517.570.000	8.435.595.482
01/01/2014			
Tiền và các khoản trong cùng tiền	10.198.565.729	-	10.198.565.729
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.092.344.423	-	6.092.344.423
Tổng	16.290.910.152		16.290.910.152

6.4 Số hiệu sơ số

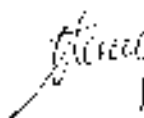
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi một Công ty Kiểm toán khác.

Người lập



Nguyễn Thị Yến Anh

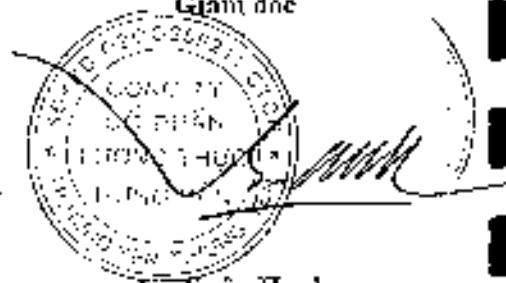
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hải Yến

Hưng Yên, ngày 12 tháng 03 năm 2015

Giám đốc



Vũ Xuân Hạnh